TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 315/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn.

Bà Cao Kim Triều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2035/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2441/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1972.
Địa chỉ: đường T, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Dương Văn N, sinh năm 1971.
Địa chỉ: đường T, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 10 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Võ Thị Kim H trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/93 ngày 10 tháng 5 năm 1993. Nguyên đơn và bị đơn có hai con chung tên Dương Văn Hoàng P, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1993 và Dương Ngọc Hoàng T, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2002. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên không hợp nhau, từ trước đến nay bị đơn không có trách nhiệm nuôi hai con và ăn chơi. Hai bên đã sống ly thân được 03 năm. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn

không có khả năng hàn gắn, không thể quay lại chung sống nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về nuôi con: Các con chung đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Võ Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Dương Văn N cư trú tại đường T, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/93 ngày 10 tháng 5 năm 1993 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hoà giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ nhưng nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải đề ngày 08 tháng 6 năm 2020; bị đơn vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, thể hiện nguyên đơn và bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn và đoàn tụ.

[5] Căn cứ Văn bản số 152/UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng hôn nhân thì Chung cư C1 đã bị giải toả hoàn toàn từ năm 2017; do đó, Ủy ban nhân dân phường C không nắm rõ được tình trạng hôn nhân, quan hệ gia đình và xã hội của nguyên đơn và bị đơn.

[6] Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về nuôi con: Có hai con chung tên Dương Văn Hoàng P (giới tính nam), sinh ngày 19 tháng 11 năm 1993 và Dương Ngọc Hoàng T (giới tính nữ), sinh ngày 04 tháng 3 năm 2002. Tất cả đều đã trưởng thành.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 1 điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim H.

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Kim H được ly hôn với ông Dương Văn N.

Về nuôi con: Có hai con chung tên Dương Văn Hoàng P (giới tính nam), sinh ngày 19 tháng 11 năm 1993 và Dương Ngọc Hoàng T (giới tính nữ), sinh ngày 04 tháng 3 năm 2002. Tất cả đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Kim H khai không có.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0005803 ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Võ Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ